

PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC
Xây dựng, phát triển Trường Tiểu học Hưng Chính giai đoạn 2025 - 2030,
định hướng đến năm 2035

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;
- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học;
- Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phường Thành Vinh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

- Tình hình thực tiễn của Trường Tiểu học Hưng Chính tại thời điểm tháng 8 năm 2025, là căn cứ để nhà trường xây dựng Phương hướng Chiến lược.

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH

1. Tình hình kinh tế - xã hội phường Thành Vinh

Địa bàn xã Hưng Chính (cũ) nay thuộc phường Thành Vinh (mới) gồm có 8 khối dân cư, là địa phương có giáo dân, phần lớn dân cư làm nghề nông. Tháng 7 năm 2025, xã Hưng Chính được sáp nhập thành phường Thành Vinh cùng với các phường: Lê Lợi, Quang Trung, Cửa Nam, Đông Vĩnh, Hưng Bình.

Những năm gần đây, các khối Hưng Chính phường Thành Vinh đã thực hiện nhiều dự án đô thị, khu đô thị dịch vụ (VSIP), xây dựng các khu mới, dịch vụ, hạ tầng liên quan đến đô thị. Mở rộng các tuyến đường, hệ thống đường giao thông được nâng cấp. Văn hóa, giáo dục – đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội được tiếp tục quan tâm đầu tư, đạt kết quả cao. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, giữ vững sự bình yên....

Kinh tế - văn hóa – xã hội ổn định, là bước đà vững chắc để phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục. Trong nhiều năm qua chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường không ngừng được nâng cao và là địa chỉ giáo dục tin cậy của nhân dân địa phương và các vùng phụ cận.

a. Thuận lợi

- Cơ sở vật chất nhà trường từng bước được xây dựng, cải tạo và nâng cấp khá đầy đủ các điều kiện để phục vụ dạy học.

- Địa phương có truyền thống hiếu học, có sự quan tâm đúng mức của lãnh đạo địa phương. Đặc biệt, phụ huynh học sinh nhiệt tình với các hoạt động của nhà trường.

- Giáo viên đoàn kết, có ý thức trau dồi nghiệp vụ nghiêm túc. Giáo viên lớn tuổi mẫu mực, giáo viên trẻ được đào tạo bài bản, ham học hỏi, tất cả đang tràn nhiệt huyết với học sinh.

b. Khó khăn

*** Về cơ sở vật chất:**

Trường có dãy nhà 2 tầng xây dựng năm 2019, hiện tại dãy nhà này nền lớp đang bị bong rộp, lan can thấp không đạt tiêu chuẩn an toàn trong trường học; Bên cạnh đó sau khi xây dựng xong dãy nhà 3 tầng 15 phòng (có cả nhà làm việc Hiệu bộ) nên dãy nhà Hiệu bộ cũ chưa được thanh lý làm ảnh hưởng đến sân chơi của học sinh. Dãy nhà 04 phòng học C4 lợp tôn cũng đang đến giai đoạn xuống cấp dột, thủng, bóc...

*** Về đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý của nhà trường:**

- Đội ngũ giáo viên đa phần còn trẻ, mới ra trường, kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp chưa nhiều, thuê nhà trọ ở xa trường đi lại khó khăn. Số giáo

** Phụ huynh, học sinh:*

- Đời sống gia đình của một số em học sinh còn khó khăn, công việc của bố mẹ không ổn định, chủ yếu là thuần nông nên hạn chế trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

- Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn như hộ cận nghèo, hộ nghèo, hộ khó khăn khá đông.

- Một số phụ huynh do hoàn cảnh (không có nghề nghiệp, nghề nghiệp không ổn định, bố mẹ li thân....) chưa thực sự quan tâm đến con em của mình.

2. Tình hình Trường Tiểu học Hưng Chính

2.1. Số liệu lớp, học sinh

Có Phụ biểu 1a chi tiết kèm theo.

2.2. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Có Phụ biểu 2a chi tiết kèm theo.

2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học

Có Phụ biểu 3a chi tiết kèm theo.

2.4. Chất lượng giáo dục

Có Phụ biểu 4a chi tiết kèm theo.

*** Điểm mạnh**

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, HĐND, UBND, các cơ quan, đoàn thể trong phường cùng sự chỉ đạo trực tiếp, kịp thời về chủ trương của Chi bộ Trường Tiểu học Hưng Chính.

- Ban giám hiệu đoàn kết, dám nghĩ, dám làm; Giáo viên đoàn kết, có ý thức trau dồi nghiệp vụ nghiêm túc. Giáo viên lớn tuổi mẫu mực, giáo viên trẻ được đào tạo bài bản, ham học hỏi, tất cả đang tràn nhiệt huyết với học sinh.

- Nhà trường có đầy đủ các tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

- Giáo viên được phân công đúng chuyên môn nghiệp vụ đã được đào tạo. Trình độ trên chuẩn đạt 100%. Đội ngũ giáo viên ứng dụng CNTT, soạn giảng trên máy vi tính chiếm 100%.

- Chất lượng dạy và học được đánh giá thực chất và ngày càng được chú trọng, nâng cao; việc học tập của học sinh bước đầu được cha mẹ học sinh quan tâm chú ý.

*** Điểm yếu**

- Đội ngũ giáo viên đa phần còn trẻ, mới ra trường, kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp chưa nhiều, thuê nhà trọ ở xa trường đi lại khó khăn. Số giáo viên trẻ trong độ tuổi nuôi con nhỏ chiếm tỷ lệ cao nên quỹ thời gian dành cho công tác tự học, tự bồi dưỡng còn hạn chế.

- Một số ít giáo viên tuổi cao nên việc tiếp cận công nghệ thông tin và đổi mới PPDH còn gặp nhiều khó khăn.

- Đời sống gia đình của một số em học sinh còn khó khăn, công việc của bố mẹ không ổn định, chủ yếu là thuần nông nên hạn chế trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

- Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn như hộ cận nghèo, hộ nghèo, hộ khó khăn khá đông.

- Một số phụ huynh do hoàn cảnh (không có nghề nghiệp, nghề nghiệp không ổn định, bố mẹ li thân....) chưa thực sự quan tâm đến con em của mình.

*** Nguyên nhân khách quan:**

Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong công tác xây dựng phát triển giáo dục của nhà trường.

Xã hội phát triển đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

Cán bộ quản lý nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên nâng cao về năng lực và phẩm chất nghề nghiệp.

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nhiệt tình, tích cực trong công tác tự học, tự bồi dưỡng, đoàn kết quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từng năm học.

Tập thể nhà trường luôn có ý thức và trách nhiệm trong phong trào xây dựng môi trường giáo dục thân thiện; Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục học sinh luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, kỷ luật cho học sinh.

*** Cơ hội**

Các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn dân; ngành giáo dục có nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đây là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển giáo dục.

Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh đến sự nghiệp giáo dục của trường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nâng cao các hoạt động giáo dục.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt, có uy tín và sự tin nhiệm cao từ phía phụ huynh.

Phương tiện thông tin ngày càng mở rộng là cơ hội giúp cho giáo viên và học sinh tiếp thu phát triển kiến thức góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục.

*** Thách thức**

Chiến lược phát triển giáo dục trường tiểu học Hưng Chính giai đoạn 2025 – 2030 đòi hỏi nhu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục mà nhà trường, phụ huynh và xã hội hết sức quan tâm. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kỳ mới. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong việc đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập

của học sinh để nâng cao chất lượng, phải có trình độ ngoại ngữ để hỗ trợ học sinh học tập tốt hơn, phải có khả năng sáng tạo và nâng cao hiệu quả công việc, linh hoạt quản lý nhà trường kịp theo sự phát triển của thời đại và sự tiến bộ của học sinh.

Một bộ phận phụ huynh nhận thức chưa đầy đủ vai trò của giáo dục; chưa đầu tư đúng mức cho giáo dục; thiếu sự phối hợp với nhà trường để giáo dục học sinh, nhất là sự phối hợp để quản lý học sinh ở nhà.

Cơ sở vật chất, cảnh quan sư phạm, môi trường giáo dục phải đảm bảo phục vụ tốt công tác dạy và học.

Sự bùng nổ của công nghệ thông tin kéo theo một số tệ nạn xã hội dẫn đến một số mặt tiêu cực đối với môi trường giáo dục, làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, nhất là giáo dục đạo đức cho học sinh nói chung, trong đó đối tượng học sinh tiểu học là nhạy cảm, có tầm ảnh hưởng nhất.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Xây dựng chiến lược phát triển trường tiểu học Hưng Chính nhằm tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương và có chất lượng cao. Giáo dục học sinh tính năng động, sáng tạo, tự chủ, sống biết chia sẻ, có trách nhiệm và hòa nhập tốt trong cộng đồng, có khả năng giải quyết vấn đề, vượt qua rào cản tâm lý để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Học sinh biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào cuộc sống.

2. Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2030, trường tiểu học Hưng Chính có cơ sở vật chất khang trang, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện với học sinh và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong trong sáng phù hợp xu thế phát triển của xã hội; Là một trong những trường mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn cao.

3. Giá trị cốt lõi

Nhà trường đẩy mạnh công tác tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn; tăng cường tuyên truyền, giáo dục tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, sáng tạo; tình yêu thương, lòng tự trọng, nhân ái, bao dung độ lượng cho đội ngũ CB, GV, NV và học sinh nhằm tổ chức tốt các hoạt động giáo dục toàn diện, giáo dục kỹ năng sống thân thiện, khôn khéo và khát vọng vươn lên; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, bồi dưỡng và phấn đấu có nhiều học sinh năng khiếu, nâng cao hiệu quả đào tạo. Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

4. Mục tiêu

4.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo,

cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn”.

Chỉ đạo giáo viên tập trung đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học, hướng dẫn học sinh cách học, cách tìm ra kiến thức mới; đổi mới cách đánh giá kết quả học tập của học sinh. Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; chú trọng công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao và chất lượng, từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh khi gửi con vào học tập. Phấn đấu đến năm 2030 đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

4.2. Mục tiêu cụ thể

4.2.1. Quy mô lớp, học sinh

- Đến năm 2030, dự báo Trường có 20 lớp, có 775 học sinh.

- Đến năm 2035, dự ước Trường có 20 lớp, có 755 học sinh

Dự báo quy mô lớp, học sinh của trường từng năm học giai đoạn 2026-2030, năm học 2034-2035.

Chi tiết tại phụ biểu 1b.

4.2.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên

a) Về giáo viên (tính theo tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp)

- Đến năm 2030, dự báo Trường cần số lượng 31 giáo viên; trong đó

Cơ cấu: giáo viên chung: 24 người, Tiếng Anh 03 người, Tin học 01 người, Mỹ thuật 01 người, Âm nhạc 01 người, Thể dục 01 người.

- Đến năm 2035, dự ước Trường cần số lượng 31 giáo viên; trong đó

Cơ cấu : giáo viên chung: 24 người, Tiếng Anh 03 người, Tin học 01 người, Mỹ thuật 01 người, Âm nhạc 01 người, Thể dục 01 người.

Chi tiết tại phụ biểu 2b.

b) Về nhân viên

- Đến năm 2030, dự báo Trường cần số lượng 04 nhân viên; gồm có: Kế toán, Thư viện – Thiết bị; Văn thư; Y tế học đường.

- Đến năm 2035, dự ước Trường cần số lượng 04 nhân viên; gồm có: Kế toán, Thư viện – Thiết bị; Văn thư; Y tế học đường.

4.2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục

- Đến năm 2030, dự báo Trường cần CSVC, TBGD cụ thể ở phụ biểu 3b

- Đến năm 2035, dự ước Trường cần CSVC, TBGD cụ thể ở phụ biểu 3c

4.2.4. Về chất lượng giáo dục

- Đến năm 2030, phấn đấu đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, trường CQG mức độ 2

- Đến năm 2035, phấn đấu đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, trường CQG mức độ 2

Cụ thể ở phụ biểu 4b

5. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Kế hoạch

5.1. Làm tốt việc huy động và duy trì sĩ số, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vững chắc

- Tổ chức điều tra trẻ theo thực tế địa bàn dân cư, tuyển sinh vào lớp 1 từ Mầm non chuyên lên và qua thực tế điều tra.
- Huy động học sinh ra lớp hằng năm 100%; học sinh bỏ học: không
- Duy trì phổ cập GDTH – CMC đạt mức 3; Hiệu quả đào tạo sau 5 năm > 98%
- Tham mưu cho UBND phường, các hội, đoàn thể tạo điều kiện hỗ trợ kịp thời cho đối tượng học sinh nghèo, học sinh gặp hoàn cảnh khó khăn, giáo viên có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện tốt công tác giáo dục phổ cập.
- Ứng dụng CNTT, quản lý dữ liệu, nâng cao hiệu quả giáo dục.

5.2. Xây dựng đội ngũ giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có bản lĩnh phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản tiếp cận tốt trong từng lĩnh vực, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết với nghề, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Tăng cường công tác tham mưu đảm bảo đủ định biên GV theo quy định, thực hiện công tác bồi dưỡng gắn với tự bồi dưỡng của từng CB, GV, NV một cách hiệu quả. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, Ngoại ngữ cho CB, GV, NV.
- GV chủ động vận dụng các PPDH một cách linh hoạt theo hướng tích cực hóa hoạt động của HS, sử dụng bài giảng điện tử, ứng dụng CNTT trong dạy học một cách hợp lý và hiệu quả. Sử dụng thường xuyên đồ dùng thiết bị dạy học, tạo thói quen sử dụng đồ dùng dạy học trong GV.
- Đầu tư thời gian, động viên, khích lệ, khen thưởng kịp thời giáo viên cả về vật chất lẫn tinh thần để GV tham gia dự thi các hội thi chuyên môn, nghiệp vụ có hiệu quả. Các tổ chuyên môn thực hiện thường xuyên việc dự giờ, trao đổi, thảo luận, rút kinh nghiệm cho các thành viên, đặc biệt là các GV trẻ...
- Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức hằng năm một cách khách quan, dân chủ, chính xác; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch một cách khoa học có tầm nhìn dài hạn.

5.3. Tăng cường cơ sở vật chất, TBGD để đáp ứng yêu cầu dạy và học, hoạt động giáo dục

- Xây dựng CSVC trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hóa, xã hội hóa, hiện đại hóa. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.
- Tham mưu các cấp chính quyền đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường như: Nâng cấp phòng học bộ môn, phòng chức năng; cải tạo bếp ăn bán trú, cải tạo nhà đa năng cho HS tập luyện. Quy hoạch lại sân trường xanh - sạch - đẹp.

Quy hoạch lại sân chơi, bãi tập tiện lợi, đúng quy định. Đầu tư nâng cấp phòng học ngoại ngữ.

- Trang bị các thiết bị dạy học công nghệ theo hướng hiện đại, bàn học, hệ thống chiếu sáng theo quy chuẩn.

- Huy động các nguồn đóng góp của các bậc phụ huynh, các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để thực hiện các sửa chữa nhỏ, xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp. Thường xuyên kiểm tra, thống kê thiết bị, đồ dùng dạy học, phân loại các đồ dùng hư hỏng để có kế hoạch mua sắm, sửa chữa bổ sung các thiết bị theo hướng hiện đại.

5.4. Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục một cách bền vững

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả Kế hoạch giáo dục từng năm học, chú trọng xây dựng Chương trình nhà trường sát thực, phù hợp, hiệu quả.

- Thực hiện Kế hoạch ĐBCL, đề cao trách nhiệm của GV trong việc thực hiện cam kết chất lượng với Hiệu trưởng.

- Đổi mới PPDH, phương pháp giáo dục; mở các hội nghị, hội thảo, tham luận, sáng kiến, chuyên đề và các lớp bồi dưỡng cấp trường về các chuyên đề trong các lĩnh vực như: Ứng dụng CNTT trong dạy học; dạy học các môn học văn hóa tích hợp với giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống; đổi mới phương pháp dạy học tích cực người học, quản lý lớp học bằng các biện pháp giáo dục kỉ luật tích cực, giáo dục bảo vệ môi trường, phong trào dự giờ, viết chuyên đề, sáng kiến...

- Triển khai rộng rãi việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, tài chính, thư viện – thiết bị, cơ sở vật chất, thông tin mạng, giảng dạy, các hoạt động thi đua, khen thưởng.... góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự rèn luyện theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng thành thạo máy vi tính, website, email, internet phục vụ cho công việc.

5.5. Đổi mới công tác quản lý nhà trường

- Xây dựng tổ chức bộ máy nhà trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần đoàn kết cao, gương mẫu, tận tụy với nghề. Luôn nêu cao ý thức tự học tự rèn không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nề nếp làm việc khoa học, lối sống lành mạnh, ứng xử giao tiếp văn hóa, được giáo viên, học sinh và phụ huynh tin tưởng.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch. Chỉ đạo các bộ phận xây dựng đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định đảm bảo tính khoa học, đẹp về hình thức, có chất lượng về nội dung, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện và lưu trữ.

- Phân công, phân cấp mạnh mẽ cho từng tổ chức cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Phát huy tinh thần chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của CB, GV, NV trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách được phân công.

- Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường, giữ mối đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt

chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nề nếp làm việc khoa học, lối sống lành mạnh, ứng xử giao tiếp văn hóa, được giáo viên, học sinh và phụ huynh tin tưởng.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch. Chỉ đạo các bộ phận xây dựng đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định đảm bảo tính khoa học, đẹp về hình thức, có chất lượng về nội dung, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện và lưu trữ.

- Phân công, phân cấp mạnh mẽ cho từng tổ chức cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Phát huy tinh thần chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của CB, GV, NV trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách được phân công.

- Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường, giữ mối đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt công khai, minh bạch. Chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật lao động, đảm bảo nề nếp làm việc, học tập, hội họp khoa học có hiệu quả.

- Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về giáo dục tiểu học. Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

- Ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dạy học và quản lý, điều hành nhà trường.

- Thực hiện hiệu quả công tác xã hội hoá giáo dục

- Phối hợp hiệu quả các lực lượng giáo dục trên địa bàn để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, đồng thuận.

- Quản lý chuyên môn đúng theo quy chế, đảm bảo nguyên tắc, phù hợp với thực tế nhà trường, luôn có tính sáng tạo, khoa học, có hiệu quả.

- Quản lý tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học minh bạch, công khai, dân chủ, hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích, đạt hiệu quả cao.

6. Kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược

Kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược bao gồm: kinh phí xây dựng, bổ sung hoàn thiện CSVC, trang thiết bị cho cả 5 năm; kinh phí hoạt động thường xuyên của nhà trường trong cả 5 năm; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong 5 năm; kinh phí thi đua, khen thưởng trong cả 5 năm, vv.

Có Phụ biểu 5 chi tiết kèm theo.

Nhà trường dự trù kinh phí càng cụ thể, sát đúng thì việc thực hiện càng thuận lợi.

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược: 799.900.000đồng.

Kinh phí trên được huy động từ các nguồn:

- Từ nguồn vận động tài trợ hàng năm: 799.900.000đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm để nhằm cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược; theo dõi việc thực hiện Kế hoạch chiến

lược, kịp thời xây dựng phương án điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết; bố trí các nguồn lực đảm bảo để thực hiện Kế hoạch chiến lược; phối hợp các lực lượng để thực hiện Kế hoạch,...

2. Đối với Phó Hiệu trưởng: Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

3. Đối với Tổ trưởng chuyên môn: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm của Tổ để thực hiện mục tiêu của Trường đã xác định; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch của Tổ; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Tổ để thực hiện hiệu quả kế hoạch của Tổ hàng năm; phối hợp các tổ chức, lực lượng trong và ngoài nhà trường để thực hiện kế hoạch của Tổ.

4. Đối với Tổ phó chuyên môn: giúp Tổ trưởng chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ hàng năm trên lĩnh vực được phân công,...

5. Đối với giáo viên: xây dựng kế hoạch công tác hàng năm để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; phối hợp với cha mẹ trẻ để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của lớp, nhóm.

6. Đối với nhân viên: xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác cá nhân hàng năm, gắn với chức trách nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công để góp phần thực hiện tốt Kế hoạch của nhà trường hàng năm.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hội đồng xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2025 – 2030 là tâm huyết và trí tuệ của cả tập thể nhằm phấn đấu xây dựng và phát triển nhà trường ngày càng tốt hơn, tạo niềm tin cho học sinh, phụ huynh, nhân dân và các cấp ủy, chính quyền địa phương, là văn bản định hướng cho sự phát triển của nhà trường, trên cơ sở đó từng tổ chức và cá nhân trong trường xây dựng, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với sự phát triển chung của nhà trường.

Nhà trường mong muốn chính quyền địa phương, Sở GD&ĐT quan tâm đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, nhất là các phòng chức năng, công trình phụ trợ... Hàng năm Sở GD&ĐT quan tâm và chỉ đạo giúp đỡ nhà trường trong việc thực hiện chuyên môn, điều động bố trí giáo viên, nhân viên hợp lý đảm bảo cả số lượng và chất lượng, góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2025 – 2030 tầm nhìn đến 2035, để xây dựng nhà trường có chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nguyệt

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG CHÍNH

Phụ biểu 1a

Số liệu lớp, học sinh tại thời điểm lập phương hướng chiến lược
(tháng 9 năm 2025)

TT	Số lớp	Tổng số học sinh	Học sinh nữ	Học sinh DTTS	Chia ra										Số HS con hộ nghèo	Ghi chú (số HS kh tật)
					Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5			
					Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		
1	21	816	393	2	4	170	4	151	4	155	4	167	5	173	2	

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG CHÍNH

Phụ biểu 1b

Dự báo quy mô lớp, học sinh giai đoạn 2025 - 2030, dự ước năm học 2034 - 2035

TT	Năm học	Số điểm trường	Số lớp	Tổng số học sinh	Chia ra										Số HS ngoài địa bàn	Ghi chú (số HS kh tật)
					Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5			
					Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		
1	2025 - 2026	1	21	816	4	170	4	151	4	155	4	167	5	173	46	2
2	2026 - 2027	1	20	807	4	164	4	170	4	151	4	155	4	167	29	1
3	2027 - 2028	1	20	803	4	163	4	164	4	170	4	151	4	155	22	0
4	2028 - 2029	1	20	769	4	121	4	163	4	164	4	170	4	151	16	0
5	2029 - 2030	1	20	775	4	157	4	121	4	163	4	164	4	170	10	0
6	2034 - 2035	1	20	755	4	150	4	157	4	121	4	163	4	164	20	

Phụ biểu 3a
Tổng hợp tình hình CSVC, TBGD nhà trường
(thời điểm tháng 9 năm 2025)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tính chất xây dựng		Đánh giá theo TT13/2020/TT- BGDDT		Ghi chú
				Kiên cố	Tạm	Đạt	Không đạt	
	Diện tích khuôn viên trường	5040.5m ²						
I	Khối phòng hành chính quản trị	Phòng						
	Phòng Hiệu trưởng		1	1		X		
	Phòng Phó Hiệu trưởng		1	1		X		
	Văn phòng trường		0	0				
	Phòng dành cho nhân viên		0	0				
	Phòng bảo vệ		1	1		X		
	Khu vệ sinh CBGVNV		1	1		X		
	Khu để xe CBGVNV		1	1		X		
	Phòng của tổ chức Đảng, đoàn thể		0	0				
II	Khối phòng học tập							
	Phòng học		21	21		X		
	Phòng học bộ môn Âm nhạc		0	0				
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật		0	0				
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ		1	1		X		
	Phòng học bộ môn Tin học		1	1		X		
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ		0	0				
	Phòng đa chức năng		1	1		X		

III	Khối phòng hỗ trợ học tập							
	Thư viện:							
	- Phòng đọc GV		0	0				
	- Phòng đọc học sinh		1	1		X		
	Phòng thiết bị giáo dục		1	1		X		
	Phòng tư vấn HD và hỗ trợ HSKT		1	1		X		
	Phòng truyền thống		0	0				
	Phòng Đội Thiếu niên		1	1		X		
IV	Khối phụ trợ							
	Phòng họp		0	0				
	Phòng Y tế học đường		1	1		X		
	Nhà kho		1	1		X		
	Khu để xe học sinh		1	1		X		
	Khu vệ sinh học sinh		2	2		X		
	Công, hàng rào		1	1		X		
	Phòng nghỉ giáo viên		0	0				
	Phòng giáo viên		0	0				
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
	Có một sân chung của nhà trường	1 500 m ²	1	1		X		
	Sân thể dục thể thao		1	1		X		
	Khu vực tập thể dục thể thao có mái che		0	0				
	Các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn		0	0				
VI	Khối phục vụ sinh hoạt							
	Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		1	1		X		
	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)		1	1		X		

	Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú)		0	0						
	Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú)		0	0						
	Phòng quản lý HS (đối với trường có tổ chức nội trú)		0	0						
	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú)		0	0						
VII	Hạ tầng kỹ thuật	Hệ thống								
	Hệ thống cấp nước sạch		Có					Đạt		
	Hệ thống cấp điện		Có					Đạt		
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		Có					Đạt		
	Hạ tầng công nghệ thông tin		Có					Đạt		
	Khu thu gom rác thải		Có					Đạt		
VIII	Mật độ sử dụng đất									
	Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;							Đạt		
	Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi); không dưới 40%;							Đạt		
	Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.							Đạt		
VII	Thiết bị dạy học được trang bị	Bộ					Tỷ lệ % so với danh mục tối thiểu của Thông tư 37/2021/-BGDĐT			
1	Thiết bị DH lớp 1	5								
2	Thiết bị DH lớp 2	5								
3	Thiết bị DH lớp 3	5								
4	Thiết bị DH lớp 4	5								
5	Thiết bị DH lớp 5	5								
6	Thiết bị dùng chung	5								

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG CHÍNH

Phụ biểu 3b
Dự báo nhu cầu CSVC, TBGD nhà trường năm học 2029-2030

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tính chất xây dựng		Đánh giá theo TT13/2020/TT-BGDDT		Ghi chú
				Kiên cố	Tạm	Đạt	Không đạt	
	Diện tích khuôn viên trường	m ²						
I	Khối phòng hành chính quản trị	Phòng						
	Phòng Hiệu trưởng							
	Phòng Phó Hiệu trưởng							
	Văn phòng trường							
	Phòng dành cho nhân viên							
	Phòng bảo vệ							
	Khu vệ sinh CBGVNV							
	Khu để xe CBGVNV							
	Phòng của tổ chức Đảng, đoàn thể							
II	Khối phòng học tập							
	Phòng học							
	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1			X		
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1			X		
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ							
	Phòng học bộ môn Tin học							
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1			X		
	Phòng đa chức năng							
III	Khối phòng hỗ trợ học tập							
	Thư viện:							

[illegible]

	Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú)								
VII	Hạ tầng kỹ thuật	Hệ thống							
	Hệ thống cấp nước sạch								
	Hệ thống cấp điện								
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy								
	Hạ tầng công nghệ thông tin								
	Khu thu gom rác thải								
VIII	Mật độ sử dụng đất								
	Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;								
	Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không dưới 40%;								
	Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.								
VII	Thiết bị dạy học được trang bị	Bộ						Tỷ lệ % so với danh mục tối thiểu của Thông tư 37/2021/-BGDĐT	
1	Thiết bị DH lớp 1								
2	Thiết bị DH lớp 2								
3	Thiết bị DH lớp 3								
4	Thiết bị DH lớp 4								
5	Thiết bị DH lớp 5								
6	Thiết bị dùng chung								

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG CHÍNH

Phụ biểu 3c
Dự ước nhu cầu CSVC, TBGD nhà trường năm học 2034-2035

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tính chất xây dựng		Đánh giá theo TT13/2020/TT- BGDDT		Ghi chú
				Kiên cố	Tạm	Đạt	Không đạt	
	Diện tích khuôn viên trường	m ²						
I	Khối phòng hành chính quản trị	Phòng						
	Phòng Hiệu trưởng							
	Phòng Phó Hiệu trưởng							
	Văn phòng trưởng							
	Phòng dành cho nhân viên							
	Phòng bảo vệ							
	Khu vệ sinh CBGVNV							
	Khu để xe CBGVNV							
	Phòng của tổ chức Đảng, đoàn thể							
II	Khối phòng học tập							
	Phòng học							
	Phòng học bộ môn Âm nhạc							
	Phòng học bộ môn Mỹ thuật							
	Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ							
	Phòng học bộ môn Tin học							
	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ							
	Phòng đa chức năng							
III	Khối phòng hỗ trợ học tập							
	Thư viện:							

	- Phòng đọc GV		1	1		X		
	- Phòng đọc học sinh							
	Phòng thiết bị giáo dục							
	Phòng tư vấn HD và hỗ trợ HSKT							
	Phòng truyền thống		1	1		X		
	Phòng Đội Thiếu niên							
IV	Khối phụ trợ							
	Phòng họp		1	1		X		
	Phòng Y tế học đường							
	Nhà kho							
	Khu để xe học sinh							
	Khu vệ sinh học sinh							
	Cổng, hàng rào							
	Phòng nghỉ giáo viên							
	Phòng giáo viên							
V	Khu sân chơi, thể dục thể thao							
	Có một sân chung của nhà trường							
	Sân thể dục thể thao							
	Khu vực tập thể dục thể thao có mái che		1	1		X		
	Các sân tập thể dục thể thao riêng cho từng môn							
VI	Khối phục vụ sinh hoạt							
	Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)							
	Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn)							
	Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú)							
	Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú)							
	Phòng quản lý HS (đối với trường có tổ chức nội trú)							

[illegible]

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG CHÍNH

Phụ biểu 4a
Tổng hợp chất lượng giáo dục nhà trường
(thời điểm tháng 9 năm 2025)

TT	Danh mục	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	
2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,9%	
3	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	99,4%	
4	Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	
5	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Đạt	

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG CHÍNH

Phụ biểu 4b
Mục tiêu chất lượng giáo dục nhà trường

TT	Danh mục	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
	Năm học 2029-2030		
1	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	
2	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100%	
3	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	99,4%	
4	Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	
5	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Đạt	
	Năm học 2034-2035		
	Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	
	Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100%	
	Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	
	Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	
	Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Đạt	

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH

TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯNG CHÍNH

Phụ biểu 5

Tổng hợp nhu cầu kinh phí phục vụ mục tiêu phương hướng chiến lược giai đoạn 2025 - 2030

TT	Danh mục	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	Dự kiến thuộc nguồn kinh phí	Ghi chú
	Năm học 2025 - 2026			
	Xây dựng phòng học ngoại ngữ	750		
				
	Năm học 2026 - 2027			
	Trang bị mua sắm thiết bị phòng học ngoại ngữ	120		
	Trang bị mua sắm thiết bị phòng học tin học	150		
				
	Năm học 2028 - 2029			
				
	Năm học 2029 - 2030			
				
	Tổng cộng			

